

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 115/2022/DS-PT

Ngày 31-5-2022

“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Liên

Ông Trương Hoài Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2022/TLPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp *“quyền sử dụng đất”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS-ST ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2022/QĐ - PT ngày 08 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc C** – sinh năm: 1947; Trú tại: khu vực Tân An, phường H, quận A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Ngọc X** – sinh năm: 1955; Trú tại: Khu vực Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1/. Bà **Nguyễn Thị Đ** – sinh năm: 1960 (có mặt)

3.2/. Ông **Nguyễn Ngọc T** – sinh năm: 1977 (có mặt)

3.3/. Bà **Hà Thị Bích T2** – sinh năm: 1977 (có mặt)

3.4/. Ông **Nguyễn Ngọc L** – sinh năm: 1979 (xin vắng mặt)

3.5/. Bà **Nguyễn Thị C1** – sinh năm: 1980 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Khu vực, Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ.

3.6/. Ngân hàng TMCP K

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Đăng V** - sinh năm: 1971 (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: số 477, tổ 24, khu vực Phụng Thạnh 1, phường A, quận A, thành phố Cần Thơ.

4. Người làm chứng:

Ông **Nguyễn Ngọc N** – sinh năm: 1946; Trú tại: khu vực Bắc Vàng, phường TL, quận O, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 17/7/2019, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/4/2021 và trong quá trình tố tụng:

Vào khoảng năm 1970, ông Nguyễn Ngọc C1 (chết năm 1998, là cha ruột của nguyên đơn, bị đơn) có cho ông C một nền nhà kích thước ngang 8m, dài 12m, tương đương 96m² để cất nhà ở, nay thuộc thửa đất số 108, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc khu vực Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ, hiện do ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên sử dụng. Việc cha cho đất cất nhà ở không có lập thành văn bản nhưng các anh em trong gia đình đều biết.

Đến khoảng năm 1978, ông C được Nhà nước cấp đất tại xã Thạnh Phú, huyện C2 nên ông rời địa phương, di dời nhà vào huyện C2 để sinh sống, canh tác. Năm 2007, ông C trở về địa phương định xây cất lại căn nhà trên nền đất cũ để sinh sống nhưng vợ chồng ông X tranh chấp ngăn cản. Vì không có đất để ở nên ông C về ở tạm bên nhà vợ tại khu vực Tân An, phường H cho đến nay. Hiện phần đất ông đang ở bị sạt lở nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho gia đình không còn ở được cho nên ông C khởi kiện yêu cầu ông X, bà Đ phải có trách nhiệm giao trả lại đất cho ông sử dụng.

Theo đơn khởi kiện ban đầu ông C yêu cầu giao trả 96m² nhưng qua đo đạc thực tế ông C chỉ ranh diện tích đất tranh chấp tăng lên là 143,5m² nên ngày 26/4/2021 ông C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn và những người liên quan đang ở trên đất phải di dời tài sản để giao trả diện tích đất 143,5m² tại thửa 108.

- Bị đơn ông Nguyễn Ngọc X và người liên quan bà Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc X, bà Nguyễn Thị Đ có đứng tên sử dụng diện tích đất 1007m² (ngày 08/10/2015 điều chỉnh diện tích và hình thể lại là 877m²), tại thửa 108, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc khu vực Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”03079 được UBND huyện A cấp ngày 06/01/2009, nguồn gốc đất do cha là ông Nguyễn Ngọc C1 để lại.

Ông X thừa nhận vào khoảng năm 1970, ông C1 có cho ông C cất nhà ở tạm trên phần đất tại thửa 108, đến năm 1978, ông C được Nhà nước cấp đất thổ cư, đất ruộng ở xã Thạnh Phú, huyện C2 và ông C đã di dời nhà vào nơi đó sinh sống cho nên toàn bộ phần đất tại thửa 108 là do ông C1 và ông X cùng quản lý sử dụng. Ông X là người thực hiện đăng ký, kê khai đứng tên trong sổ mục kê địa chính và sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, không ai tranh chấp. Nay vợ chồng ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần đất ông C tranh chấp, hiện tại các con ông X là ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc L đã cất nhà ở ổn định, không còn đất trống.

- Những người có liên quan ông Nguyễn Ngọc T, bà Hà Thị Bích T2, bà Nguyễn Thị C1 (vợ ông Nguyễn Ngọc L) thống nhất trình bày:

Các ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông C. Thống nhất như lời trình bày của ông X, bà Đ. Khi ông T, ông L lập gia đình riêng thì được ông X cho đất và xây nhà trên phần đất hiện đang có tranh chấp, đã ở ổn định đến nay trên 20 năm.

- Người đại diện Ngân hàng TMCP K, ông Phạm Đăng V trình bày:

Ngày 14/12/2020, ông X và bà Đ có ký kết hợp đồng tín dụng số 1267/20/HĐTD/0403-1671 vay vốn tại Ngân hàng TMCP K – Phòng Giao dịch A với số tiền 100.000.000 đồng, thời gian vay 12 tháng. Ông X, bà Đ có thể chấp trả đất số 1345 (không phải thửa 108 đang tranh chấp như lời ông X trình bày), tờ bản đồ số 06, tọa lạc khu vực Đông Bình, phường B, quận A để đảm bảo nợ vay. Trong vụ án này, phía ngân hàng không có yêu cầu hoặc tranh chấp gì nên xin được vắng mặt trong các lần hòa giải, xét xử tại Tòa án.

- Người làm chứng ông Nguyễn Ngọc N trình bày:

Ông là anh ruột của ông C và ông X. Theo ông biết thì trước đây, ông Nguyễn Ngọc C1 có cho ông C một nền nhà để cất nhà ở trên thửa đất số 108 như ông C trình bày là đúng. Việc cha cho đất thì chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ

gì vì lúc đó anh em còn thuận thảo. Nay hoàn cảnh gia đình ông C đang gặp khó khăn, không có chỗ ở nên yêu cầu ông X giao trả nền nhà lại cho ông C sử dụng.

Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân quận A, thành phố Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử theo quy định. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2022/DS -ST ngày 05 tháng 01 năm 2022, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc X, bà Nguyễn Thị Đ giao trả diện tích đất 143,5m², tại thửa 108, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc khu vực Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ, do ông X và bà Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/01/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C có đơn kháng cáo cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án nên quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm để giải quyết lại nhằm làm rõ một số tình tiết quan trọng của vụ án như: Sự việc tranh chấp đất xảy ra từ năm 2007, khi đó tài sản tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguyên đơn có khiếu nại đến tổ hòa giải và chính quyền địa phương thời điểm đó nhưng không được giải quyết theo quy định; Nguyên đơn đã khiếu nại từ năm 2015 nhưng đến ngày 21/6/2019 mới tiến hành hòa giải cơ sở, trong khi chờ Tòa án giải quyết, thì đến tháng 10/2019, bị đơn tiến hành xây nhà trên đất tranh chấp, nguyên đơn có thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm nhưng không được can thiệp kịp thời; Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc N (anh ruột của nguyên đơn và bị đơn) cũng xác định, ông Nguyễn Ngọc C1 (cha ruột nguyên đơn, bị đơn) khi còn sống, có cho nguyên đơn phần đất mà hiện đang xảy ra tranh chấp, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai này của ông N để làm chứng cứ giải quyết vụ án; Không có văn bản nào thể hiện ông C1 đã cho ông X quyền đăng ký, kê khai đứng tên quyền sử dụng đất; Tại thời điểm làm thủ tục cấp giấy đất cho ông X, cơ quan chức năng không có thông báo, niêm yết công khai nên ông không hay biết để khiếu nại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo của mình. Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Nhận thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Ngọc C1 là cha của nguyên đơn, bị đơn. Ông Nguyễn Ngọc X là người kê khai đăng ký đứng tên Sổ mục kê ruộng đất năm 1990, diện tích 1007m², sử dụng ổn định không tranh chấp. Như vậy, tại thời điểm ông X kê khai đăng ký và sử dụng thì ông C1 còn sống nhưng không phản đối. Ông X sử dụng đất lâu dài, ổn định, xây dựng nhà ở trên phần đất này, đến năm 2008 lập thủ tục kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp diện tích 143,5m² thuộc một phần thửa 108, được cấp cho ông X đúng theo trình tự thủ tục. Nguyên đơn cho rằng, ông đã được ông C1 cho đất nhưng chỉ nói miệng, không lập thành văn bản và không rõ diện tích cụ thể. Nguyên đơn không kê khai và không sử dụng đất từ năm 1978 đến năm 2019 mới tranh chấp yêu cầu bị đơn giao trả đất. Nguyên đơn cho rằng, việc tranh chấp đất phát sinh từ năm 2007, nhưng theo xác minh tại địa phương tại thời điểm bị đơn kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận thửa đất 108 không có tranh chấp. Xét thấy, phần đất trên do bị đơn ông X kê khai đăng ký và sử dụng ổn định, lâu dài không tranh chấp, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo trình tự quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Điều 135 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại diện tích đất 143,5m² là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện cho rằng, diện tích đất (đo đạc thực tế 143,5m²) thuộc một phần thửa số 108 do ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị Đ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và yêu cầu giao trả lại nhưng không được những người này chấp nhận nên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật được xác định là “tranh chấp quyền sử dụng đất”. Đất tranh chấp tọa lạc tại địa bàn quận A, thành phố Cần Thơ nên căn cứ vào khoản

9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận A thụ lý giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là có căn cứ, đúng thẩm quyền. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo (thuộc trường hợp miễn đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm) trong thời hạn quy định nên được Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thụ lý giải quyết lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc L; người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án nên quyết định bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Để có cơ sở đánh giá về tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị đơn ông Nguyễn Ngọc X và vợ là bà Nguyễn Thị Đ được cấp tại thửa đất mà nguyên đơn tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành văn bản gửi cho cơ quan có thẩm quyền để hỏi ý kiến về việc ban hành quyết định hành chính cá biệt. Tại Công văn phúc đáp số 2236/UBND-NC ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân quận A, thành phố Cần Thơ, nêu: "...Theo hồ sơ địa chính thể hiện, năm 1990, hộ ông Nguyễn Ngọc X kê khai, đăng ký thửa đất số 108, diện tích 1007m², loại T, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Đông Bình, xã B, huyện A (nay là khu vực Đông Bình, phường B, quận A) và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2009, ông X lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tại thửa 108, đồng thời xác nhận tài sản chung của vợ chồng. Quá trình niêm yết thông báo về việc đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có khiếu nại, tranh chấp nào liên quan. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H"03079 ngày 06 tháng 01 năm 2009, tại thửa đất 108, diện tích 1007m² (đất ODT: 300m² + CLN: 707m²) cho ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị Đ là đúng theo quy định về nguồn gốc, đối tượng, trình tự, thủ tục...".

[2.2] Mặc dù các đương sự trình bày thống nhất, nguồn gốc đất tại thửa 108 là của ông Nguyễn Ngọc C1 để lại nhưng quá trình sử dụng, ông C1 không đăng ký, kê khai đứng tên mà giao lại toàn bộ đất này cho ông X kê khai, đăng ký. Đồng thời, khi ông C1 còn sống thì ông C1 cùng chung sống với ông X nhưng cũng không tranh chấp, khiếu nại gì về việc ông X kê khai, đăng ký tên chủ sử dụng thửa đất 108. Theo lời trình bày của ông C, trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến năm 1978 thì ông có cất nhà ở trên một phần thửa đất 108 do ông C1 cho. Sau năm 1978 thì gia đình ông được cấp đất và di dời nhà đến địa bàn huyện C2 sinh sống. Như vậy, trong khoảng thời gian từ sau năm 1978 đến năm 1990, thời điểm mà ông X đăng ký, kê khai thửa đất 108 và sau này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 thì ông C không trực tiếp quản lý sử dụng đất. Sau khi ông C1 mất vào năm 1998, gia đình ông X tiếp tục quản lý sử dụng đất ổn định cho đến nay. Việc Ủy ban nhân dân huyện A cũ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà Đ là đúng đối tượng. Đồng thời, theo hồ sơ địa chính được trích lục thể hiện, quá trình làm thủ tục cấp giấy, cơ quan chức năng thực hiện niêm yết danh sách công khai trường hợp cấp giấy đất của ông X theo thời hạn quy định nhưng không có ai tranh chấp, khiếu nại trong thời gian này nên việc cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X, bà Đ là đúng trình tự, thủ tục như được xác định nội dung tại Công văn số 2236/UBND-NC ngày 16/7/2021 của Ủy ban nhân dân quận A, phúc đáp ý kiến gửi cho Tòa án nêu trên.

[2.3] Xét thấy, đất đai là tài sản đặt biệt thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định. Trường hợp này, Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng ổn định, liên tục, lâu dài. Là căn cứ để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của người sử dụng đất (ông X và bà Đ) theo quy định tại khoản 16 Điều 3 của Luật Đất đai năm 2013. Nguyên đơn là người khởi kiện yêu cầu bị đơn phải giao trả quyền sử dụng đất cho mình nhưng lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh là người có quyền sử dụng đất hợp pháp. Xét về nguồn gốc đất tranh chấp cũng không do nguyên đơn tạo lập hoặc được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của ông Nguyễn Ngọc N là anh ruột của nguyên đơn và bị đơn cho rằng, ông có biết việc ông C1 khi còn sống là cha của nguyên đơn, bị đơn có cho nguyên đơn một phần diện tích đất tại thửa 108 để cất nhà ở. Lời khai này của ông N cũng tương tự như lời khai

của nguyên đơn. Việc nguyên đơn có cất nhà ở trên phần đất tranh chấp trong khoảng thời gian từ năm 1970 đến năm 1978 như trình bày thì cũng chưa đủ cơ sở để xác định, nguyên đơn là người có quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai.

[2.4] Từ những cơ sở phân tích nêu trên, xét việc nguyên đơn khởi kiện, buộc bị đơn giao trả đất cho nguyên đơn sử dụng là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm xét xử lại là không có căn cứ.

[2.5] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản theo quy định tại Điều 157 và 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như Tòa án cấp sơ thẩm quyết định là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận, lẽ ra, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng xét thấy, nguyên đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi), nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận. Lẽ ra, nguyên đơn phải chịu tiền án phí phúc thẩm nhưng thuộc trường hợp được miễn tiền án phí do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Các Điều 3, 4, 101 và 203 của Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc X, bà Nguyễn Thị Đ giao trả diện tích đất 143,5m², tại một phần thửa 108, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc khu vực Đông Bình, phường B, quận A, thành phố Cần Thơ, do ông X và bà Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2/. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Nguyễn Ngọc C phải chịu số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), công nhận ông đã nộp xong.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Không ai phải chịu (do nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C được miễn nộp tiền án phí theo quy định).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày được tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Chi Cục THADS Q. A;
- TAND quận A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Bảo Anh

